TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 15

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số lớn nhất trong các số 931, 913, 904, 932 là:

A. 932 **B.** 913 **C.** 904 **D.** 931

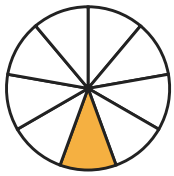
Câu 2. Kết quả của phép nhân 5 × 4 là:

A. 9 **B.** 25 **C.** 20 **D.** 16

Câu 3. Gấp 26 lên 3 lần được:

A. 29 **B.** 104 **C.** 81 **D.** 78

Câu 4. Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/3 **B.** 1/9 **C.** 1/8 **D.** 1/6

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 8 l = ……. ml

A. 800 **B.** 80 **C.** 80000 **D.** 8000

Câu 6. Khối hộp chữ nhật có bao nhiêu đỉnh?

A. 6 đỉnh **B.** 4 đỉnh **C.** 8 đỉnh **D.** 12 đỉnh

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 368 + 282 = …….

b) 654 − 460 = …….

c) 135 × 3 = …….

d) 304 : 4 = …….

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 7 × 3 ……. 18

b) 1 kg ……. 1100 g

c) 2 m 1 cm ……. 210 cm

d) 1/2 của 10 ……. 1/3 của 9

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 20, 25, 30, 35, ……, ……

b) 322, 324, ……, 328, 330, ……

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

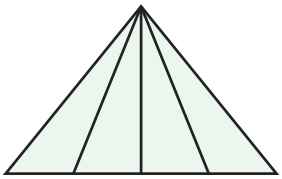
a) 50 mm = …… cm

b) 4 m 7 dm = …… dm

c) 6 l = …… ml

d) 6 dm 3 cm = …… cm

Bài 5. Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình tam giác.

Bài 6. Một cửa hàng buổi sáng bán được 280 kg gạo, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 28 kg. Hỏi cả ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Buổi chiều bán được: …… kg

b) Cả ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 15

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	D	B	D	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 368 + 282 = 650

b) 654 − 460 = 194

c) 135 × 3 = 405

d) 304 : 4 = 76

Bài 2.

a) 7 × 3 = 21 nên điền dấu «>»

b) 1 kg = 1000 g nên điền dấu «<»

c) 2 m 1 cm = 201 cm nên điền dấu «<»

d) 1/2 của 10 là 5; 1/3 của 9 là 3 nên điền dấu «>»

Bài 3.

a) Đếm thêm 5: 20, 25, 30, 35, 40, 45

b) Mỗi số hơn số trước 2 đơn vị: 322, 324, 326, 328, 330, 332

Bài 4.

a) 50 mm = 5 cm (vì 10 mm = 1 cm)

b) 4 m 7 dm = 47 dm (vì 1 m = 10 dm)

c) 6 l = 6000 ml (vì 1 l = 1000 ml)

d) 6 dm 3 cm = 63 cm (vì 1 dm = 10 cm)

Bài 5.

Đếm theo số hình ghép: 4 hình đơn, 3 hình ghép đôi, 2 hình ghép ba, 1 hình lớn: 10 hình tam giác.

Bài 6.

Buổi chiều: 280 − 28 = 252 (kg)

Cả ngày: 280 + 252 = 532 (kg)